

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 283/2018/HNGĐ-ST

Ngày : 10 – 7– 2018

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ;

2. Bà Phan Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Dương Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Minh Đông -Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 546/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đào Vĩnh T, sinh năm 1978. Địa chỉ nơi cư trú: Số 765, tổ 24, ấp A, xã M, huyện P, tỉnh An Giang. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Kim Q , sinh năm 1982. Địa chỉ nơi cư trú: Số 765, tổ 24, ấp A, xã M, huyện P, tỉnh An Giang (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 11 năm 2017, nguyên đơn ông T trình bày: Tôi và Trần Thị Kim Q không có quen biết trước, do cha mẹ hai bên cưới gả rồi đi đến hôn nhân vào năm 2000, chúng tôi có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Thời gian đầu chung sống cũng hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn, tôi nhận ra mình không có tình cảm gì với vợ, vợ chồng sống vì trách nhiệm, vì con chứ không có sự yêu thương với nhau. Thời gian gần đây, tôi cảm nhận tình cảm giữa vợ chồng ngày càng xa cách, không còn hạnh phúc, tôi không muốn tiếp tục sống chung với Q nên tôi quyết định xin Tòa án cho tôi được ly hôn với Q. Quá trình chung sống, chúng tôi có 02 con chung tên Đào V, sinh ngày 01/6/2001 và Đào XM, sinh ngày 02/9/2005. Hiện các con vẫn sống chung trong gia đình. Khi ly hôn, tùy các con quyết định muốn sống với cha hay mẹ. Nếu con có nguyện vọng sống với tôi thì tôi nuôi, tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Nếu con quyết định sống với Q thì tôi đồng ý để Q nuôi dưỡng, tôi không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, chị Q nộp bản tự khai trình bày ý kiến, tại biên bản hòa giải trình bày: Chị và anh T do cha mẹ hai bên cưới gả, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng sống bình thường, rất hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn, trước đây có vài chuyện nhỏ cự cãi với nhau rồi thôi, vẫn sống vui vẻ và có hai con chung tên Đào V, sinh ngày 01/6/2011 và Đào XM, sinh ngày 02/9/2005, hai con sống chung gia đình. Chị Q xác định chị không có lỗi gì với anh T, chị muốn gia đình đoàn tụ, chị thương chồng, thương con và không muốn làm ảnh hưởng tâm lý, chuyện học hành của các con nên không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T để vợ chồng chung sống với nhau. Về con chung: Chị không muốn ảnh hưởng đến con nên đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết; về tài sản chung: có nhưng không yêu cầu giải quyết và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ yêu cầu ly hôn với chị Q; bị đơn đồng ý ly hôn; về quan hệ con chung: Anh T và chị Q thống nhất có hai con chung và thỏa thuận chị Q trực tiếp nuôi con chung tên Đào XM, sinh ngày 02/9/2005, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con; anh T trực tiếp nuôi con chung tên Đào V, sinh ngày 01/6/2011, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung: Anh T và chị Q thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: Không có.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thống nhất về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn, thống nhất ly hôn và thỏa thuận về việc nuôi con chung. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc thuận tình ly hôn, về quan hệ con chung công nhận sự thỏa thuận chị Q trực tiếp nuôi con chung Đào XM, sinh ngày 02/9/2005, chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con nên không xem xét; anh T trực tiếp nuôi con chung Đào V, sinh ngày 01/6/2011, anh T không yêu cầu chị Q cấp dưỡng cho con nên không xem xét. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Q đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại ấp A, xã M, huyện P, tỉnh An Giang. Anh T khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Q chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M nên được pháp luật công nhận là vợ chồng và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 8, Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại phiên tòa, anh T và chị Q thuận tình ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn anh T và bị đơn chị Q: Thuận tình ly hôn. Về quan hệ con chung: Anh T và chị Q thống nhất vợ chồng có hai con chung tên Đào V, sinh ngày 01/6/2001 và Đào XM, sinh ngày 02/9/2005, công nhận sự thỏa thuận chị Q trực tiếp nuôi con chung tên Đào XM, sinh ngày 02/9/2005; anh T trực tiếp nuôi con chung tên Đào V, sinh ngày 01/6/2011. Anh T và chị Q đều không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành ghi nhận nguyện vọng hai con chung của anh T và chị Q nhưng gia đình anh T không đồng ý vì sợ ảnh hưởng tâm lý các con nên Tòa án không thực hiện được.

Anh T và chị Q cùng thành viên gia đình không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Anh T và chị Q thống nhất hông yêu cầu giải quyết; về quan hệ nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, anh T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2015/0017576 ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 246; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 8; Khoản 1 Điều 9; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đào Vĩnh T với chị Trần Thị Kim Q.

- Về quan hệ con chung, công nhận sự thỏa thuận giữa anh T và chị Q:

+ Chị Trần Thị Kim Q trực tiếp nuôi con chung Đào XM, sinh ngày 02/9/2005, chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét;

+ Anh Đào Vĩnh T trực tiếp nuôi con chung Đào V, sinh ngày 01/6/2011, anh T không yêu cầu chị Q cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét

Anh T và chị Q cùng thành viên gia đình không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; quan hệ nợ chung: Không có nên không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Anh T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2015/0017576 ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND.AG;
- VKSND.HCP;
- THA HCP;
- UBND xã M;
- Đương sự (Để thi hành);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Yến Anh